

CHÍNH PHỦ
Số: 68/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

*Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên
(sửa đổi)*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) số 05/1998/PL-UBTVQH10 ngày 10 tháng 4 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ, CHỊU THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 1. Mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế bao gồm: doanh nghiệp Nhà nước; công ty cổ phần; công ty trách nhiệm hữu hạn; hợp tác xã; tổ hợp tác; doanh nghiệp tư nhân, hộ tư nhân sản xuất kinh doanh; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài Việt Nam; các tổ chức và cá nhân khác tiến hành khai thác tài nguyên dưới mọi hình thức đều là đối tượng nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi). Trừ đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 2. Các loại tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế tài nguyên, bao gồm:

1. Khoáng sản kim loại;

2. Khoáng sản không kim loại, kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và đất khai thác để san lấp, xây đắp công trình, làm nguyên liệu và các mục đích khác; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên thuộc đối tượng quy định tại Luật Khoáng sản;
3. Dầu mỏ: là dầu thô được quy định tại khoản 2, Điều 3, Luật Dầu khí;
4. Khí đốt: là khí thiên nhiên quy định tại khoản 3, Điều 3, Luật Dầu khí;
5. Sản phẩm của rừng tự nhiên: Các loại thực vật, động vật và các loại sản phẩm khác của rừng tự nhiên;
6. Thủy sản tự nhiên: Các loại động vật, thực vật tự nhiên ở biển, sông, ngòi, hồ,...
7. Nước thiên nhiên gồm: Nước mặt, nước dưới lòng đất, trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên đã quy định tại điểm 2, điều này.
8. Các loại tài nguyên thiên nhiên khác.

Điều 3. Bên Việt Nam tham gia liên doanh với nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà góp vốn pháp định bằng các nguồn tài nguyên thì doanh nghiệp liên doanh không phải nộp thuế tài nguyên đối với số tài nguyên mà Bên Việt Nam dùng để góp vốn pháp định.

Điều 4. Trường hợp doanh nghiệp khai thác tài nguyên được thành lập trên cơ sở liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng chia sản phẩm, thì thuế tài nguyên phải nộp của doanh nghiệp liên doanh hay của Bên nước ngoài phải được xác định trong hợp đồng liên doanh và tính vào phần sản phẩm chia cho Bên Việt Nam. Khi chia sản phẩm khai thác, Bên Việt Nam có trách nhiệm nộp thuế tài nguyên vào ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 5. Căn cứ tính thuế tài nguyên là sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác, giá tính thuế và thuế suất.

Điều 6. Sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác là số lượng, trọng lượng hay khối lượng của tài nguyên khai thác thực tế trong kỳ nộp thuế, không phụ thuộc vào mục đích khai thác tài nguyên.

Điều 7.

1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên tại nơi khai thác tài nguyên.
2. Trường hợp tài nguyên chưa có giá bán, như khai thác để tiếp tục gia công, chế biến; tài nguyên chứa nhiều hợp chất khác nhau thì giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào một trong những cơ sở sau:

Giá bán của loại tài nguyên khai thác có giá trị tương đương.

Giá bán của sản phẩm nguyên chất và hàm lượng chất này trong tài nguyên khai thác hoặc giá của sản phẩm nguyên chất và hàm lượng của từng chất trong tài nguyên khai thác.

Giá bán ra của hàng hoá sản xuất từ tài nguyên khai thác trừ các chi phí sản xuất ra hàng hoá đó.

3. Đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thuỷ điện, giá tính thuế tài nguyên là giá bán điện thương phẩm; đối với gỗ là giá bán tại bãi 2.

4. Đối với dầu mỏ, khí đốt, giá tính thuế được quy định tại Điều 47, Nghị định số 84/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí.

Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn cách tính giá thuế tài nguyên quy định tại điều này.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cụ thể giá tính thuế của từng loại tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Biểu thuế tài nguyên được ban hành kèm theo Nghị định này.

Căn cứ vào giá trị của từng loại tài nguyên, điều kiện khai thác và yêu cầu quản lý đối với từng loại tài nguyên trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, các ngành liên quan điều chỉnh các mức thuế suất trong Biểu thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị định này phù hợp với khung thuế suất được quy định tại Điều 6 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

CHƯƠNG III

KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ, NỘP THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 9. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên phải thực hiện đầy đủ những quy định về kê khai, đăng ký và nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục đăng ký, kê khai, thu nộp thuế tài nguyên.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán và chế độ chứng từ mua bán hàng, thu tiền theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 11. Cơ quan thuế các cấp phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các Điều 8, 9, 12 và 16 của Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

CHƯƠNG IV

MIỄN, GIẢM THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 12. Thuế tài nguyên được miễn, giảm trong các trường hợp sau đây:

1. Các dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và các văn bản của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước, nếu có khai thác tài nguyên khoáng sản (trừ dầu khí) thì được giảm tối đa 50% thuế tài nguyên trong 3 năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu khai thác; đối với những dự án đã triển khai thuộc đối tượng trên thì xét giảm thuế thời gian còn lại kể từ ngày Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.
2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên gặp thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ, gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai và nộp thuế được xét miễn thuế tài nguyên phải nộp cho số tài nguyên bị tổn thất. Trường hợp đã nộp thuế tài nguyên thì được hoàn trả lại số thuế đã nộp hoặc bù trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kỳ sau nếu tổ chức, cá nhân nộp thuế chấp thuận.
3. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ bằng phương tiện có công suất lớn được miễn thuế tài nguyên trong 5 năm đầu từ khi được cấp giấy phép khai thác và giảm 50% thuế tài nguyên trong 5 năm tiếp theo.

Bộ Thủy sản tiến hành việc cấp giấy phép riêng cho tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ.

Việc xét miễn, giảm thuế tiến hành theo từng năm. Trong quá trình hoạt động, nếu tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ có sự thay đổi về các điều kiện miễn, giảm thuế làm giảm mức ưu đãi thì phải kịp thời khai báo với cơ quan thuế gần nhất biết và xác nhận.

Các trường hợp không khai báo để tiếp tục hưởng miễn, giảm thuế đều bị coi là trốn lậu thuế và bị xử lý theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh tài nguyên (sửa đổi).

Trường hợp sau thời gian miễn, giảm thuế trên đây, nếu tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ còn bị lỗ thì sẽ tiếp tục được xét giảm thuế tài nguyên tương ứng với số lỗ của từng năm trong thời gian không quá 5 năm liên tục tiếp theo.

Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thủy sản ở vùng biển xa bờ đã hoạt động trước ngày Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) có hiệu lực thi hành, thì thời điểm tính miễn giảm thuế được tính từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành và được tính đủ thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định trên.

4. Miễn thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên do cá nhân được phép khai thác như: gỗ, cành, củi, tre, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô... phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày; trường hợp cố tình khai thác, phá rừng bừa bãi thì bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các biện pháp quản lý thích hợp bảo đảm miễn thuế đúng đối tượng, khuyến khích việc trồng rừng và bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi khai thác bừa bãi, phá hoại rừng tự nhiên.

5. Miễn thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng vào sản xuất thủy điện không hoà vào mạng lưới điện quốc gia.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác đất sử dụng vào các mục đích sau được miễn thuế tài nguyên:

San lấp, xây dựng các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng.

San lấp, xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi, phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

San lấp, xây dựng các công trình mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện hoặc dành ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đất tự khai thác và sử dụng tại chỗ trên diện tích đất được giao, được thuê.

San lấp, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở miền núi (trong địa bàn cấp huyện là huyện miền núi) phục vụ cho việc phát triển đời sống kinh tế xã hội trong vùng.

San lấp, xây dựng các công trình trọng điểm của quốc gia theo quyết định của Chính phủ cho từng trường hợp cụ thể.